

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 65/2023/HS-ST  
Ngày 07/11/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN N2 DÂN TỈNH LÀO CAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khanh;

*Thẩm phán:* Ông Vũ Minh Quán.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Liên, ông Phạm Văn Sơn và ông Phạm Ngọc Thảo.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án N2 dân tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 07/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị T** (Tên gọi khác: Không). Giới tính: Nữ.

Sinh ngày: 03/6/1996 tại xã L, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nơi ĐKKHKT: Thôn H2, xã N, huyện T, Lào Cai.

Nơi ở trước khi bị bắt: Tổ 28, phường L1, thành phố C, tỉnh Lào Cai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Tày. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Tự do. Trình độ học vấn: 12/12.

Tiền án, Tiền sự: Không.

Con ông: Nguyễn Văn X (đã chết) và bà Nguyễn Thị Pắc.

Có chồng là Đỗ Văn T2 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2020, con nhỏ nhất sinh năm 2022.

Bị tạm giam từ ngày 21/02/2023, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Lê Trường S – Luật sư Công ty luật hợp danh V, Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai (Có mặt)

- *Các bị hại:*

+ Ông Nguyễn Minh H, bà Đào Thị Đ. Địa chỉ: Số nhà 056, đường K, tổ 3, phường C, thành phố C, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đào Thị Đ: Ông Nguyễn Minh H. Địa chỉ: Số nhà 056, đường K, tổ 3, phường C, thành phố C, tỉnh Lào Cai (Vắng)

mặt)

+ Ông Nguyễn Duy H. Địa chỉ: Số nhà 298, đường S, tổ 7, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

+ Ông Đỗ Thanh H1. Địa chỉ: Thôn L1, xã N1, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

- *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đào Văn T2. Địa chỉ: Số nhà 398, đường B, tổ 14, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai; (Vắng mặt)

+ Ông Đào Quang N2. Địa chỉ: Số nhà 393, đường B, tổ 14, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai; (Vắng mặt)

+ Ông La Văn P. Địa chỉ: Số nhà 021, đường Nguyễn Huy T, tổ 8, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Có mặt)

+ Ông Đỗ Văn T2. Địa chỉ: Công trình cầu G, thuộc xã C2, thành phố B1, tỉnh Thái Bình. (Có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị V. Địa chỉ: Số nhà 019, đường P, tổ 16, phường C, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Bà Lù Làn K. Địa chỉ: Số 001A, đường D, tổ 22, phường C, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Bà Luân Hải Y. Địa chỉ: Thôn T2, xã Đ, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Ông Lê Anh D. Địa chỉ: Số nhà 090, đường T3, tổ 1, phường T2, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Bà Phạm Thị D1. Địa chỉ: Số nhà 124, đường Q, tổ 8, phường C2, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn H Thuận. Địa chỉ: Số 01 T3, phường B, thành phố N, tỉnh Bắc Ninh. (Vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Ông Nguyễn Mạnh T4. Địa chỉ: Số nhà 103 đường S, Tổ 8, phường C2, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Kim O. Địa chỉ: Văn phòng công chứng H1 Liên, số 013 đường L, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Ông Dương Quang V. Địa chỉ: Số nhà 173, đường C3, phường Lào Cai, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Bà Đỗ Thị H2. Địa chỉ: Tổ 34, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Anh Đỗ Duy H. Địa chỉ: Thôn L3, xã N1, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Ông Trịnh Công D. Địa chỉ: Thôn T2, xã V, huyện T1, tỉnh Y. (Vắng mặt)

+ Bà Lưu Thị N3. Địa chỉ: Số nhà 398, đường V, tổ 14, phường L, thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Đức K. Địa chỉ: Số nhà 289, đường Đ, Tổ 3, phường C2,

thành phố C, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt)

+ Ông H1 An N2. Địa chỉ: Thôn Th, xã V, huyện T, tỉnh Hưng Yên.  
(Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoản thời gian từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 02 năm 2023, Nguyễn Thị T đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả 01 tài liệu của cơ quan, tổ chức tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, cụ thể:

**Vụ thứ nhất:** gia đình ông Đào Quang N2 được UBND thị xã Lào Cai cấp GCNQSDĐ với diện tích 6788,0m<sup>2</sup>, trên đất có 02 ngôi nhà (90 m<sup>2</sup> và 160 m<sup>2</sup>). Do thời hạn sử dụng đất đã hết và muốn chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nên ngày 29/9/2021, các thành viên trong gia đình ông N2 đã làm hợp đồng ủy quyền cho Đào Văn T2 (là con trai ông N2) toàn quyền thực hiện các quyền của chủ sử dụng đất. Do quen biết nên anh T2 đã thuê và đưa cho T hợp đồng ủy quyền cùng GCNQSDĐ để T làm thủ tục tách, chuyển đổi đất và tài sản gắn liền với đất. Khoảng tháng 11/2021, anh T2 có ý định bán căn nhà 90 m<sup>2</sup> trên đất. T đặt vấn đề với anh T2 mua lại căn nhà này với giá 1.400.000.000 đồng và đặt cọc cho anh T2 100 triệu đồng. Anh T2 đồng ý. Qua môi giới, ngày 03/01/2022, anh Nguyễn Minh H đã đồng ý mua căn nhà giá 1.400.000.000 đồng và chuyển trước 100.000.000 đồng tiền đặt cọc vào tài khoản của anh Đỗ Văn T2 (là chồng T), hẹn một tuần sau ra văn phòng công chứng làm Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng thì anh H sẽ bàn giao tiếp 500 triệu đồng. Ngày 05/01/2022, T nói với chồng là Đỗ Văn T2 cùng đến Văn phòng công chứng Cam Đường để điểm chỉ thay anh Đào Văn T2 làm hợp đồng ủy quyền từ T2 cho T để làm thủ tục gia hạn thời hạn, chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho căn nhà, T2 đồng ý. Sau khi làm xong hợp đồng ủy quyền giả, T liên lạc và cùng Nguyễn Minh H đến Văn phòng công chứng H1 Liên lập hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng căn nhà và anh H chuyển tiếp số tiền 500 triệu đồng vào tài khoản ngân hàng của T. Tổng số tiền anh H đã chuyển cho T là 600 triệu đồng.

Khoảng 10 ngày sau, T thấy anh H rao bán ngôi nhà tại số 026 đường Phan Đình Phùng, phường Lào Cai trên mạng xã hội với giá 2,9 tỷ đồng. Do làm ăn thua lỗ cần tiền trả nợ nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt ngôi nhà này. T đã liên hệ với H ngỏ ý muốn đổi sang ngang ngôi nhà 160 m<sup>2</sup> của gia đình ông Đào Quang N2 cũng với giá 2,9 tỷ đồng. Anh H đồng ý và hai bên đều thống nhất giá trị ngôi nhà của anh H cũng là 2,9 tỷ đồng. Ngày 14/01/2022, T cùng vợ chồng anh H và chị Đào Thị Đ đến Văn phòng công chứng H1 Liên làm thủ tục hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 05/01/2022 và lập mới Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 026 đường Phan Đình Phùng, phường Lào Cai có GCNQSDĐ số CX272033 với giá chuyển nhượng 1.760.000.000 đồng, trên thực tế anh H và T thỏa thuận: T bán 2 căn nhà có diện tích 90 m<sup>2</sup> và 160m<sup>2</sup> trên thửa đất có GCNQSDĐ số P216512 tại số 389 đường Điện Biên cho anh H với giá 4,3

tỉ đồng, anh H đã trả 600 triệu đồng là tiền đã đặt cọc trước đó và 2,9 tỷ đồng là giá trị ngôi nhà số 026 đường Phan Đình Phùng, tổng 3,5 tỷ đồng. Anh H nợ lại T 800 triệu đồng và hẹn thanh toán vào ngày 30/3/2022 sau khi T làm xong GCNQSDD thô cư đối với 02 ngôi nhà trên cho anh H.

Sau khi nhận chuyển nhượng ngôi nhà số 026 đường Phan Đình Phùng từ vợ chồng anh H và chị Đ, T nhờ bạn là Đoàn Việt Anh đứng tên. Đến ngày 05/4/2022, T và Đoàn Việt Anh đã làm thủ tục chuyển nhượng, sang tên ngôi nhà số 026 đường Phan Đình Phùng cho Nguyễn Thị V với giá 2,6 tỷ đồng. Hiện gia đình Nguyễn Thị V đang sinh sống trên ngôi nhà này.

Tại Kết luận định giá tài sản số 342/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lào Cai đối với thửa đất và tài sản gắn liền với đất tại phố Phan Đình Phùng, phường Lào Cai có GCNQSDD số CX272033, kết luận: Tổng giá trị tài sản định giá là 2.908.146.416 đồng.

Như vậy, tổng số tiền T lừa đảo chiếm đoạt của gia đình anh H là: 2.908.146.416 đồng + 600.000.000 đồng = **3.508.146.416** đồng.

**Vụ thứ hai:** Nguyễn Thị T có quen biết và thường xuyên liên lạc với Nguyễn Văn Nghĩa. Do không có tiền tiêu sài cá N2, Nghĩa và T thỏa thuận thống nhất: T đi thuê xe ô tô rồi giao xe cho Nghĩa đem bán lấy tiền công. Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 13/01/2023, T đến nhà anh Nguyễn Duy H thuê chiếc xe ô tô NISSAN NAVARA, biển kiểm soát 29C-682.61, thời gian thuê xe 7 ngày; Giá thuê thỏa thuận miệng 1.200.000 đồng/ngày và tài sản thế chấp thuê xe 10.000.000 đồng. Anh H đã giao xe cho T cùng toàn bộ giấy tờ liên quan. Sau khi thuê được xe, T gọi Nghĩa đến nhà T lấy xe và Nghĩa đưa cho T 60 triệu đồng. Đến hết thời hạn thuê xe không thấy T bàn giao lại xe, T có đề nghị H cho T thuê xe thêm đến ngày 30/01/2023 và chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho H số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 09/02/2023, T lại chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng cho anh H số tiền 10.000.000 đồng tiền thuê xe. Sau đó anh H có liên lạc với T để đòi xe ô tô nhiều lần không được, nên ngày 20/2/2023 anh H có đơn tố giác Nguyễn Thị T đến Cơ quan điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 71/KL-HĐĐGTS ngày 24/4/2023 của Hội đồng định giá tổ tụng hình sự tỉnh Lào Cai, kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NAVARA màu đen BKS 29C- 68261 định giá tài sản theo hồ sơ, tài liệu tại thời điểm tháng 1/2022 có giá **319.328.000** đồng.

**Vụ thứ ba:** Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 01/02/2023, T đến nhà anh Đỗ Thanh H1 thỏa thuận thống nhất và thuê chiếc xe nhãn hiệu Toyota Vios màu bạc BKS 24A- 14540, thời hạn thuê 12 ngày từ 01/02/2023 đến ngày 12/02/2023, giá thuê 600.000 đồng/ngày. T thế chấp: 10.000.000 đồng và 01 căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T. Căn cước công dân này Nguyễn Thị T khai nhận: Vào khoảng tháng 10 năm 2022 thông qua mạng xã hội đã nhờ một người tên Hùng ở thành phố Hồ Chí Minh làm hộ đề T sử dụng khi cần vì thẻ căn cước công dân thật của T bị mất chưa làm lại được. Anh H1 đã giao xe cho T cùng toàn bộ giấy tờ liên quan. Sau khi thuê được xe, T giao xe cho một người bạn của Nghĩa và người này đưa cho T 47 triệu đồng. Đến hết thời hạn thuê xe không thấy T bàn giao lại xe, anh H1 gọi điện yêu cầu T trả xe nhưng không liên lạc được nên ngày

23/2/2023 có đơn tố giác Nguyễn Thị T đến Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra CQCSĐT đã thu giữ chiếc xe và đã trả lại cho anh H1.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 70/KL-HĐĐGTS ngày 24/4/2023 của Hội đồng định giá tố tụng hình sự tỉnh Lào Cai, kết luận: 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Vios màu bạc BKS 24A- 14540 tại thời điểm tháng 2/2022 có giá **111.107.000** đồng.

Tại Kết luận giám định số 10/GĐTL-PCO9 ngày 19/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai đối với 01 căn cước công dân số 010196005630 mang tên Nguyễn Thị T là giả.

Bản cáo trạng số 26/CT-VKST-P2 ngày 26/9/2023 của VKSND tỉnh Lào Cai truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, xét thấy VKSND tỉnh Lào Cai truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng quy định. Đối với hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức, ngày 13/9/2023, Tòa án N2 dân tỉnh Lào Cai đã ban hành quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 07/2023/HSST-QĐ để yêu cầu VKSND tỉnh Lào Cai để điều tra, xác minh làm rõ hành vi sử dụng căn cước công dân giả của Nguyễn Thị T để thuê xe ô tô của anh Nguyễn Duy H và anh Đỗ Thanh H1. Truy tố Nguyễn Thị T về hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự. Ngày 04/10/2023, VKSND tỉnh Lào Cai có văn bản số 540/VKS-P2 về việc giữ nguyên quan điểm truy tố.

#### **Tại phiên tòa sơ thẩm:**

Bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát N2 dân tỉnh Lào Cai rút một phần cáo trạng về việc truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”, giữ nguyên quan điểm truy tố về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng Điều 174 khoản 4 điểm a; Điều 51 khoản 1 điểm s; Điều 52 khoản 1 điểm g Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T 15 đến 17 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Áp dụng Điều 341 khoản 1; Điều 51 khoản 1 điểm s Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Thị T pH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 năm 06 tháng đến 19 năm tù. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo pH bồi thường cho các bị hại số tiền tương đương với giá trị tài sản bị cáo đã chiếm đoạt. Xử lý vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát N2 dân tỉnh Lào Cai về tội danh. Tuy nhiên, mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị là quá nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Thị T 13 năm đến 15 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 06 tháng đến 12 tháng tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 Bộ luật hình sự. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, bị hại Nguyễn Duy H yêu cầu bị cáo pH bồi thường số tiền bằng trị giá chiếc xe bị cáo đã chiếm đoạt. Bị hại Đỗ Thanh H1 không yêu cầu bị cáo pH bồi thường.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết luận giám định, kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định:

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Trong thời gian từ tháng 01/2022 đến tháng 02/2023, bị cáo Nguyễn Thị T đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau: chiếm đoạt của anh Nguyễn Minh H và chị Đinh Thị Đ 600 triệu đồng tiền mặt và ngôi nhà trên diện tích đất 80 m<sup>2</sup> tại số 26 Phan Đình Phùng, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai trị giá 2.908.146.416 đồng, tổng là 3.508.146.416 đồng; chiếm đoạt của anh Nguyễn Duy H 01 xe ô tô trị giá 319.328.000 đồng; chiếm đoạt của anh Đỗ Thanh H1 01 xe ô tô trị giá 111.107.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà T chiếm đoạt của các bị hại là **3.938.581.416** đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đối với hành vi sử dụng căn cước công dân giả để thuê xe ô tô: Tại Cáo trạng số 26/CT-VKST-P2 ngày 26/9/2023 và Công văn số 540/VKS-P2 ngày 04/10/2023 của VKSND tỉnh Lào Cai đã giữ nguyên quan điểm khẳng định

Nguyễn Thị T đã dùng căn cước công dân giả để lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển kiểm soát 24A-145.40 trị giá 111.107.000 đồng của anh Đỗ Thanh H1. Đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N2 dân tỉnh Lào Cai rút một phần cáo trạng về việc truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*”.

Xét việc rút một phần cáo trạng về việc truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” của đại diện Viện kiểm sát N2 dân tỉnh Lào Cai: Hội đồng xét xử xét thấy, tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” và tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” là hai tội độc lập. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ căn cứ để khẳng định Nguyễn Thị T đã có hành vi nhờ người khác làm giả căn cước công dân, sau đó sử dụng căn cước công dân giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, hành vi của Nguyễn Thị T đã cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N2 dân tỉnh Lào Cai rút một phần cáo trạng truy tố Nguyễn Thị T về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức*” là có căn cứ.

Xét thấy, Nguyễn Thị T đã sử dụng căn cước công dân giả để lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe ô tô biển kiểm soát 24A-145.40 của anh Đỗ Thanh H1 trị giá 111.107.000 đồng, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng. Vì vậy, hành vi sử dụng căn cước công dân giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Thị T đã cấu thành tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” với tình tiết định khung “*Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm nghiêm trọng*”. Đối với hành vi này, Tòa án N2 dân tỉnh Lào Cai đã trả hồ sơ cho Viện kiểm sát N2 dân tỉnh Lào Cai để truy tố bị cáo Nguyễn Thị T theo khoản nặng hơn khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố. Tuy nhiên, Viện kiểm sát N2 dân tỉnh Lào Cai vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự về giới hạn của việc xét xử, Hội đồng xét xử xét xử bị cáo Nguyễn Thị T về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

### [3] Về hình phạt

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, tổ chức và cá nhân gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong dư luận. Vì vậy, cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét thấy, mặc dù bị cáo Nguyễn Thị T có N2 thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo đã 03 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong

quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, xét thấy bị cáo đã bồi thường được một phần cho bị hại Nguyễn Minh H, Đào Thị Đ, bản thân bị cáo đang nuôi con nhỏ, hoàn cảnh kinh tế hết sức khó khăn nên cần áp dụng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với quan điểm của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 06 tháng đến 12 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là nhẹ. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát N2 dân tỉnh Lào Cai đề nghị xử phạt bị cáo 15 đến 17 năm tù là nặng, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không được chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

#### [4] Về trách nhiệm dân sự

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Minh H và chị Đào Thị Đ yêu cầu bị cáo pH bồi thường tổng số tiền là 3.508.146.416 đồng và yêu cầu bị cáo hoàn trả lại ngôi nhà tại địa chỉ 026 Phan Đình Phùng. Bị hại Nguyễn Duy H yêu cầu Nguyễn Thị T hoàn trả chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NAVARA, biển kiểm soát 29C-682.61. Bị hại Đỗ Thanh H1 không yêu cầu Nguyễn Thị T bồi thường.

Xét thấy, yêu cầu bồi thường của bị hại Nguyễn Minh H, chị Đào Thị Đ và Nguyễn Duy H là chính đáng. Đối với ngôi nhà tại số 026 đường Phan Đình Phùng, bị cáo Nguyễn Thị T đã nhờ Đoàn Việt Anh đứng tên và làm thủ tục chuyển nhượng lại cho chị Nguyễn Thị V và anh Trần Văn Nhựt. Khi nhận chuyển nhượng, chị V, anh Nhựt hoàn toàn không biết ngôi nhà tại số 026 đường Phan Đình Phùng do bị cáo T phạm tội mà có. Hiện tại, gia đình chị V đang sinh sống tại ngôi nhà này. Vì vậy, căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 133 Bộ luật dân sự, vợ chồng chị V, anh Nhựt là người thứ ba ngay tình trong giao dịch dân sự vô hiệu, là chủ sở hữu hợp pháp của ngôi nhà này nên cần buộc bị cáo T pH bồi thường cho anh Nguyễn Minh H số tiền tương đương với giá trị ngôi nhà là 2.908.146.416 đồng và số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 600.000.000 đồng. Bị cáo đã trả cho anh H, chị Đ 200.000.000 đồng, số tiền bị cáo còn pH bồi thường cho anh H là 3.308.146.416 đồng.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NAVARA biển kiểm soát 29C-682.61 bị cáo T đã đưa cho Nghĩa và bán cho người khác không thu hồi lại được. Vì vậy, cần buộc bị cáo T pH bồi thường cho bị hại Nguyễn Duy H số tiền tương đương với trị giá chiếc xe theo kết luận định giá là 319.328.000 đồng.

#### [5] Về vật chứng

- Đối với số tiền 5.670.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max; 01 thẻ ATM ngân hàng Vietinbank thu giữ của Nguyễn Thị T: Cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với số tiền 10.000.000 đồng và 01 chiếc điện thoại iphone 13 promax do anh La Văn P giao nộp: Cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Đối với số tiền 10.827.000 đồng trong tài khoản số 107873720103 của bị cáo Nguyễn Thị T mở tại Ngân hàng Viettinbank: Cần tiếp tục phong tỏa tài khoản để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 Giấy phép lái xe và 01 Căn cước công dân mang tên Nguyễn Thị T: Cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 428889 mang tên Nguyễn Thế Bảo: Cần trả lại cho anh Nguyễn Duy H.

[6] Về án phí: Do bị cáo bị kết án và pH bồi thường nên pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 13 (Mười ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 02 (Hai) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị T pH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 21/02/2023.

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T pH bồi thường cho anh Nguyễn Minh H và chị Đào Thị Đ số tiền 3.308.146.416 đồng (*Ba tỷ ba trăm linh tám triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn bốn trăm mười sáu đồng*) và bồi thường cho anh Nguyễn Duy H số tiền 319.328.000 đồng (*Ba trăm mười chín triệu ba trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền pH trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Về vật chứng:** Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 46, 47 Bộ luật hình sự:

**\* Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max màu vàng, số IMEI 356287120473940, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong do của La Văn P giao nộp;

- Số tiền 10.000.000 đồng do của La Văn P giao nộp đã được nộp vào tài khoản của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai theo giấy nộp tiền số 27, ngày 27/3/2023.

**\* *Tạm giữ để đảm bảo thi hành án của bị cáo Nguyễn Thị T***

- Số tiền 5.670.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị T đã được nộp vào tài khoản của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lào Cai tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai theo giấy nộp tiền số 01, ngày 20/3/2023.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max màu ghi, số IMEI 354860899241797, kèm 01 sim điện thoại số thuê bao 0911771761, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chi tiết bên trong thu giữ của Nguyễn Thị T;

- 01 thẻ ATM ngân hàng Viettinbank mang tên Nguyễn Thị T. Số thẻ 9704150112932622;

**\* *Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị T:***

- 01 Giấy phép lái xe số 101223001484 mang tên Nguyễn Thị T;

- 01 Căn cước công dân số 010196005630 mang tên Nguyễn Thị T;

**\* *Trả lại cho bị hại anh Nguyễn Duy H:*** 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 428889, biển số đăng ký 29C-682.61;

**\* *Tiếp tục phong tỏa*** số tiền 10.827.000 đồng (*Mười triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn đồng*) trong tài khoản số 107873720103 của Nguyễn Thị T tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam (Viettinbank) Chi nhánh Lào Cai, phòng giao dịch Trần Hưng Đạo để đảm bảo thi hành án.

**Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T pH chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 104.549.488 đồng (*Một trăm linh tư triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Lào Cai;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- THA Tòa án 04;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Khanh**